

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Z, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*- Bị đơn:* Anh Lê Văn Q; nơi cư trú: Thôn Z, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23-6-2008 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải

Phòng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, anh Q thường xuyên chửi bới đánh đập chị nên vợ chồng đã xảy ra xô sát, bất hòa. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào năm 2019, do anh Q uống thuốc sâu tự tử sau đó được mọi người can ngăn cứu chữa, từ đó vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt. Thời gian gần đây anh Q nghi ngờ chị có quan hệ với người khác nên chị đã về gia đình ở thôn AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn Q có 02 con chung là Lê Thị Y V, sinh ngày 14-5-2009 và Lê Thị N Q, sinh ngày 21-5-2013. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh Lê Văn Q.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn Q xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 do bất đồng về kinh tế nên anh chị đã bán nhà chuyển về gia đình bố mẹ chị T ở thôn AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng do chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị T có 02 con chung là Lê Thị Y V, sinh ngày 14-5-2009 và Lê Thị N Q, sinh ngày 21-5-2013. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị T.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng

mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Q. Về con chung: Giao cả hai con chung là Lê Thị Y V, sinh ngày 14-5-2009 và Lê Thị N Q, sinh ngày 21-5-2013 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh Q tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T, anh Lê Văn Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Lê Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn Z, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh Q vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 23-6-2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh từ năm 2019 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2020

đến nay chị T và anh Q sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quyết. Quá trình giải quyết vụ án anh Q không đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Phạm Thị T xin ly hôn với anh Lê Văn Q phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q có hai con chung là Lê Thị Y V, sinh ngày 14-5-2009 và Lê Thị N Q, sinh ngày 21-5-2013. Khi ly hôn, chị T và anh Q cùng đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh Q đều có nơi ở và thu nhập hàng tháng, hiện tại hai con chung đang ở với chị T được chị chăm sóc chu đáo, mặt khác cả hai con chung đều có nguyện vọng xin được ở với chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả hai con chung là Lê Thị Y V, sinh ngày 14-5-2009 và Lê Thị N Q, sinh ngày 21-5-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh Q tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Q.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thị Y V, sinh ngày 14-5-2009 và Lê Thị N Q, sinh ngày 21-5-2013 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017455 ngày 23 tháng 12 năm 2020. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã TL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**